



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp

Ngày 30/09/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	0%	-

DT thuần Q3/25
23.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10 -8.3%
YoY: ▲ 11.4 90.8%

LN thuần Q3/25
1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09 6.6%
YoY: ▲ 0.40 36.9%

LN sau thuế Q3/25
0.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06 7.4%
YoY: ▲ 0.07 8.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.0%
YoY: +/-▲ 0.7%

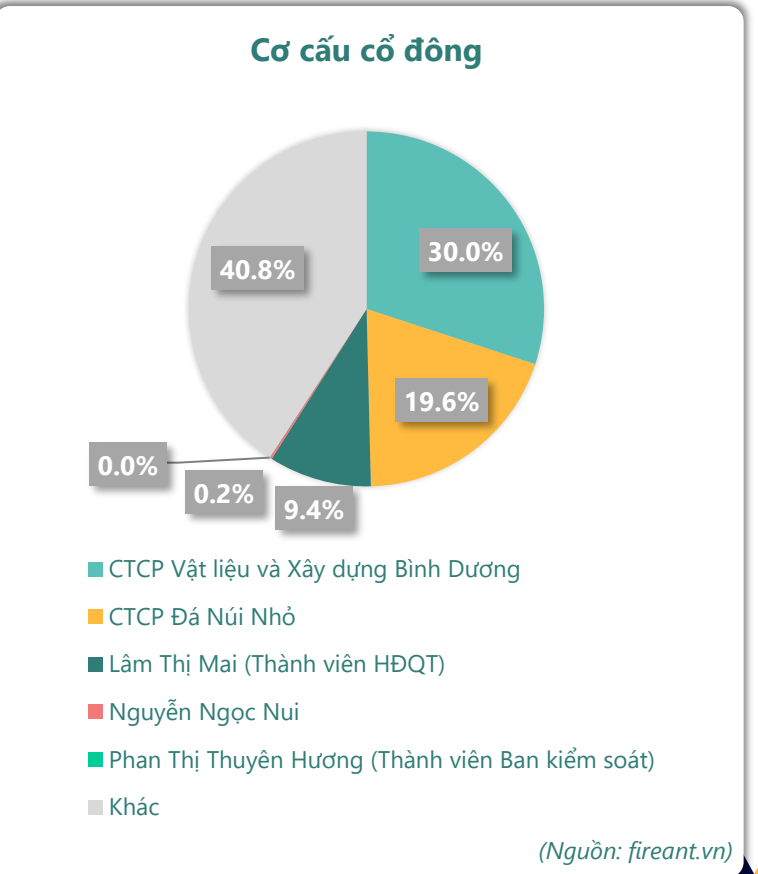
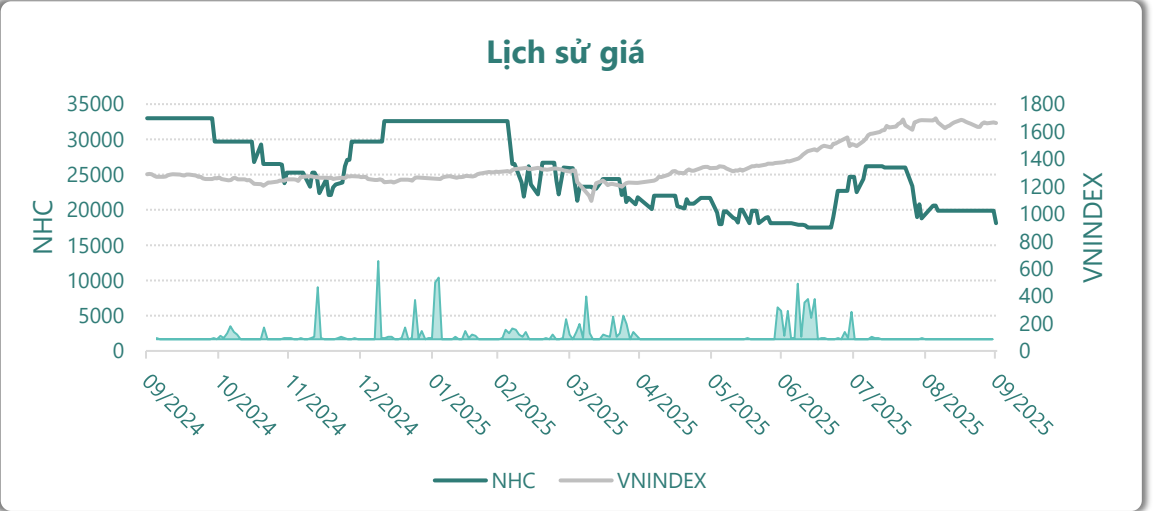
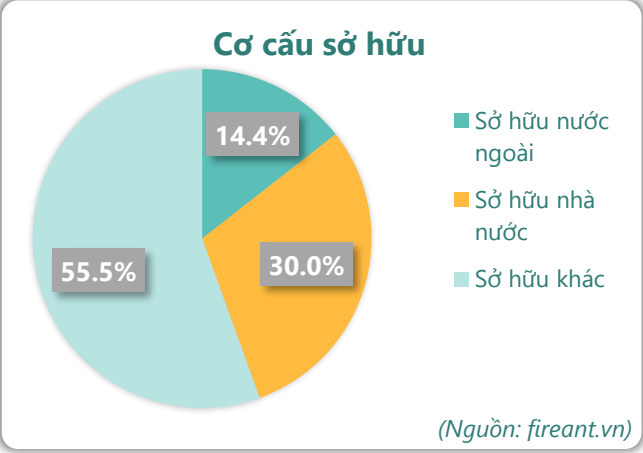
ROE (TTM) Q3/25
2.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,500 - 33,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
Sở hữu nước ngoài	14.4%
Beta	0.14
EPS	381
P/E	47.5

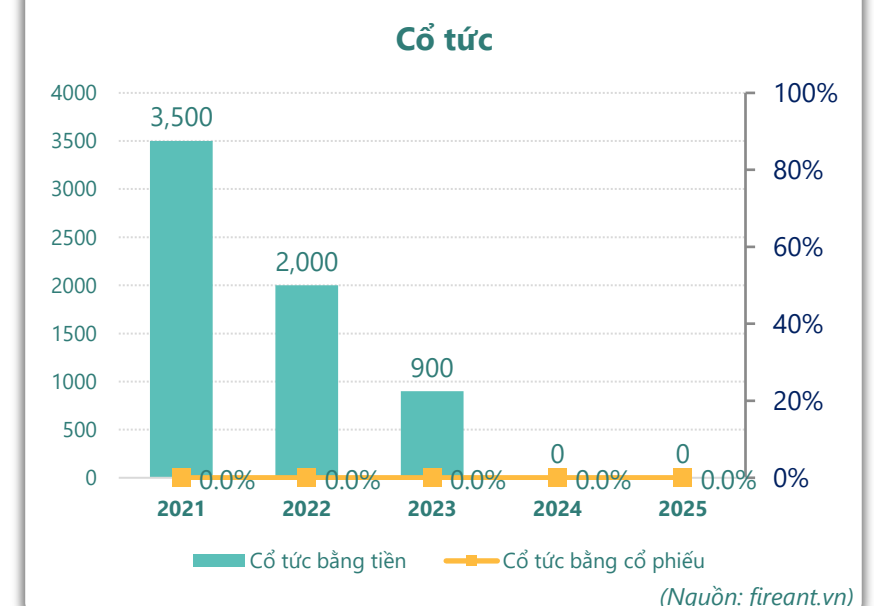
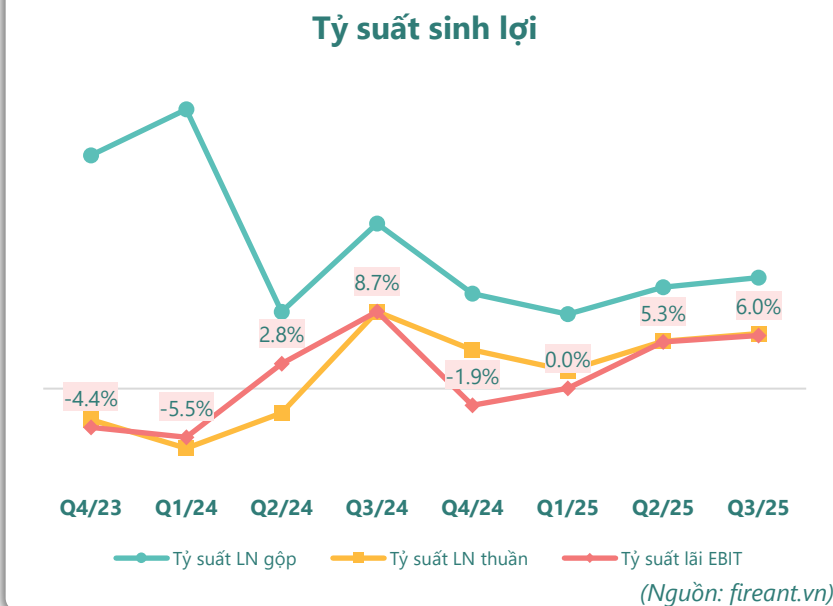
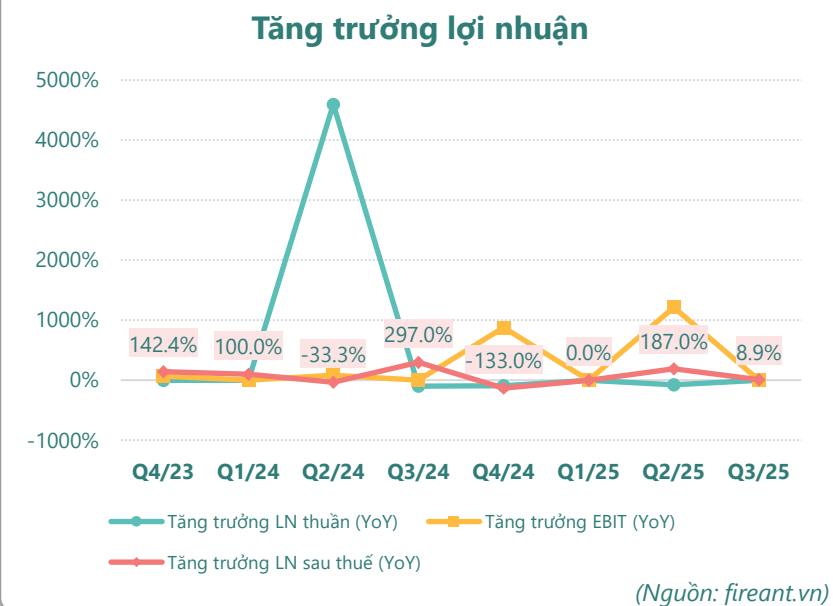
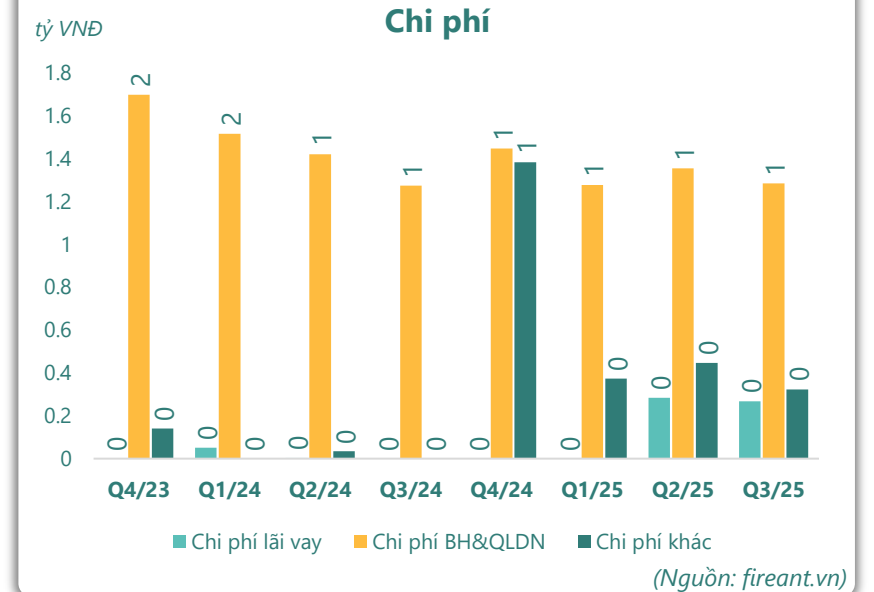
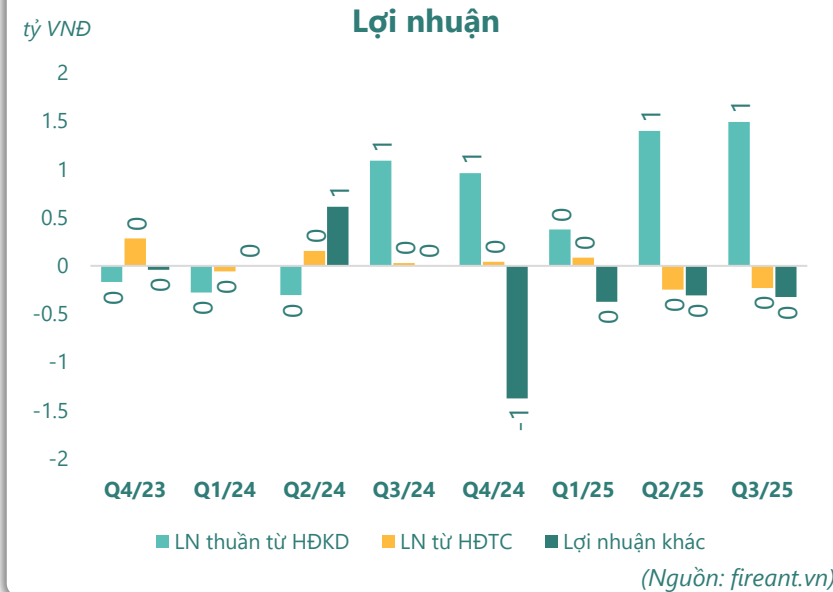
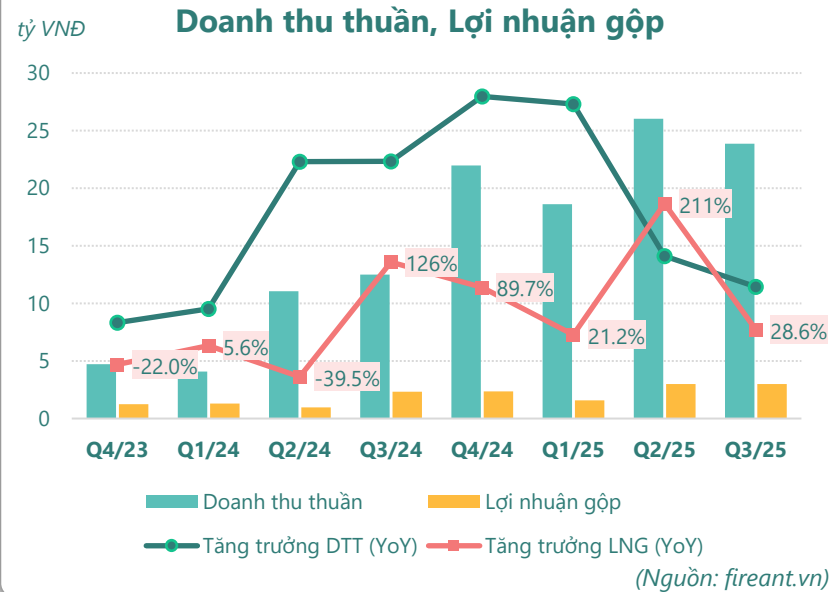
DT thuần 9T 2025
68.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.9 148%

LN thuần 9T 2025
3.27
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.76 540%

LN sau thuế 9T 2025
1.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.11 158%



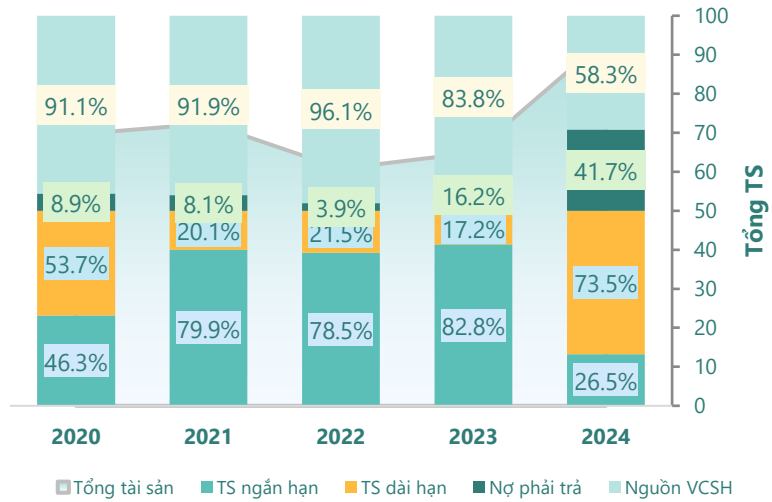
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

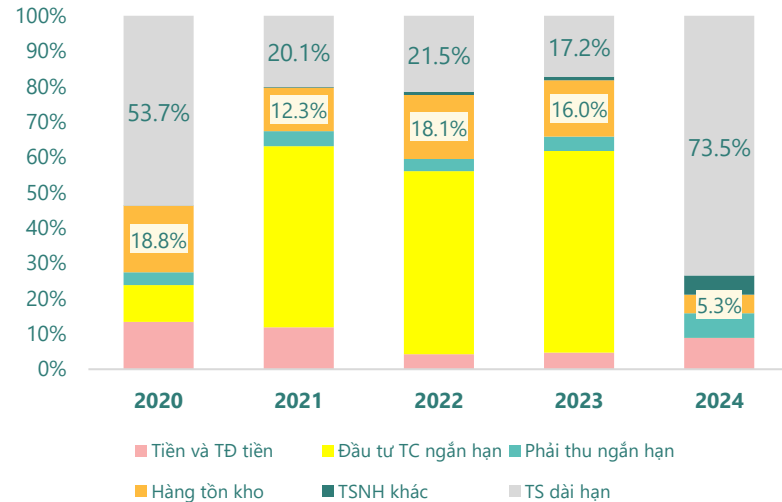
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

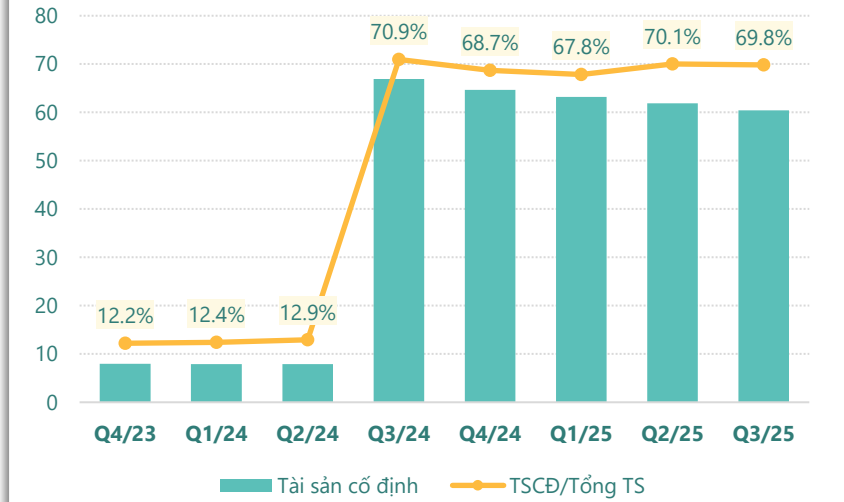
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

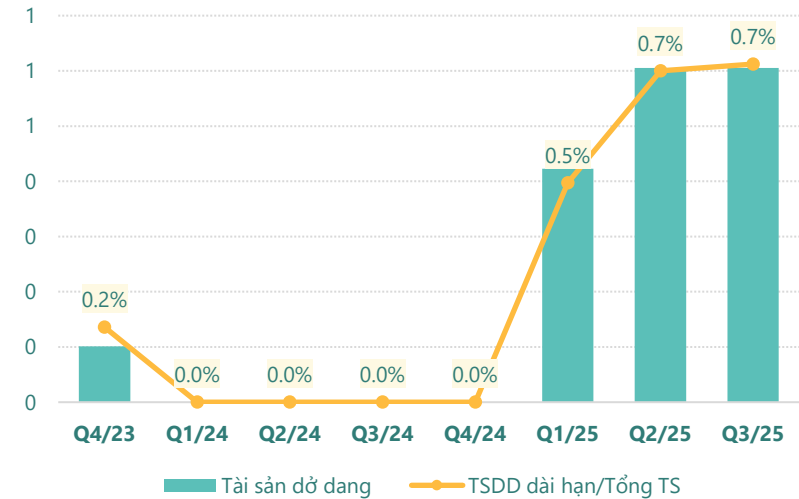
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

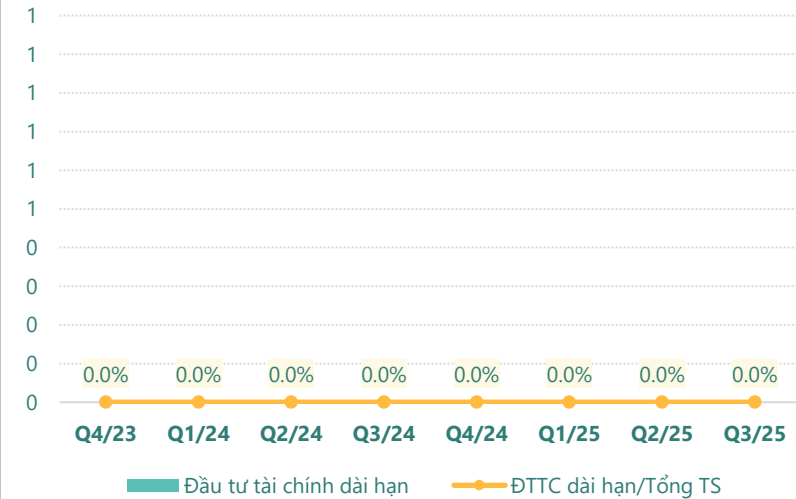
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

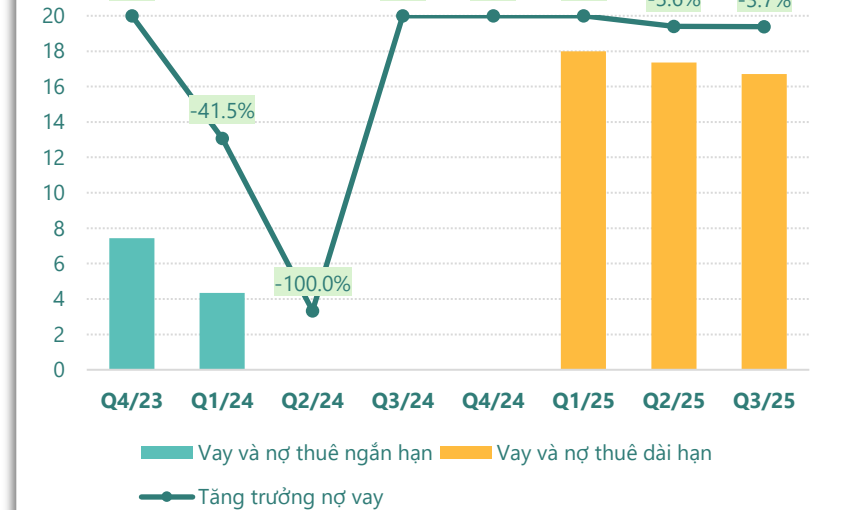
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

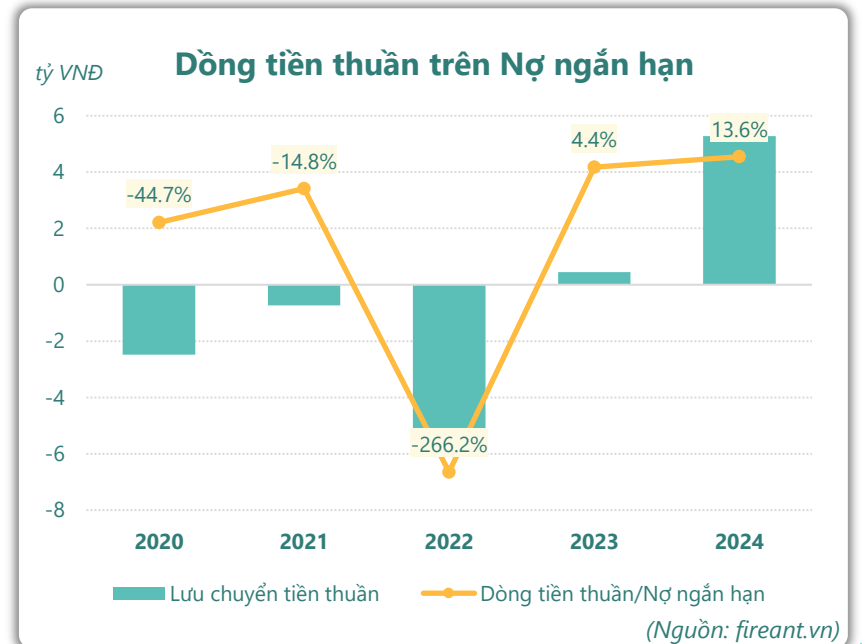
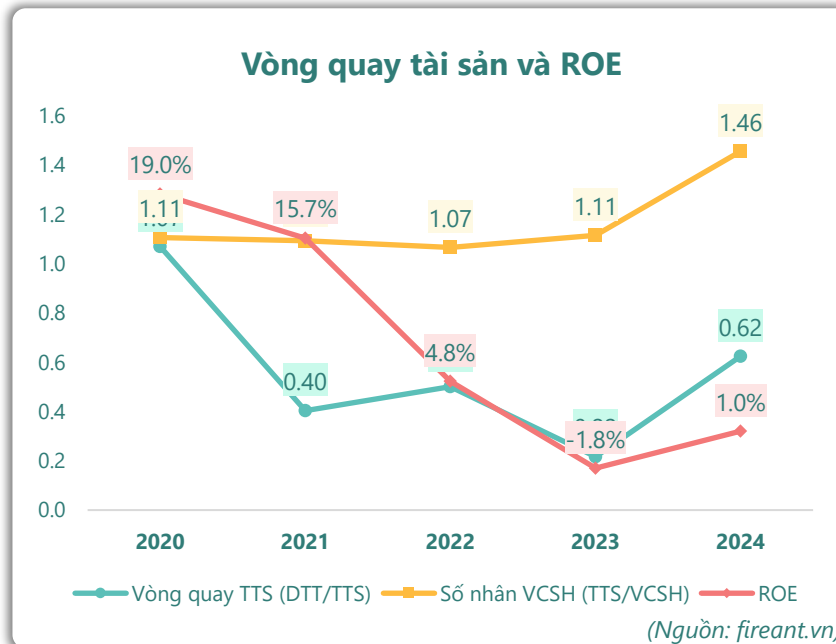
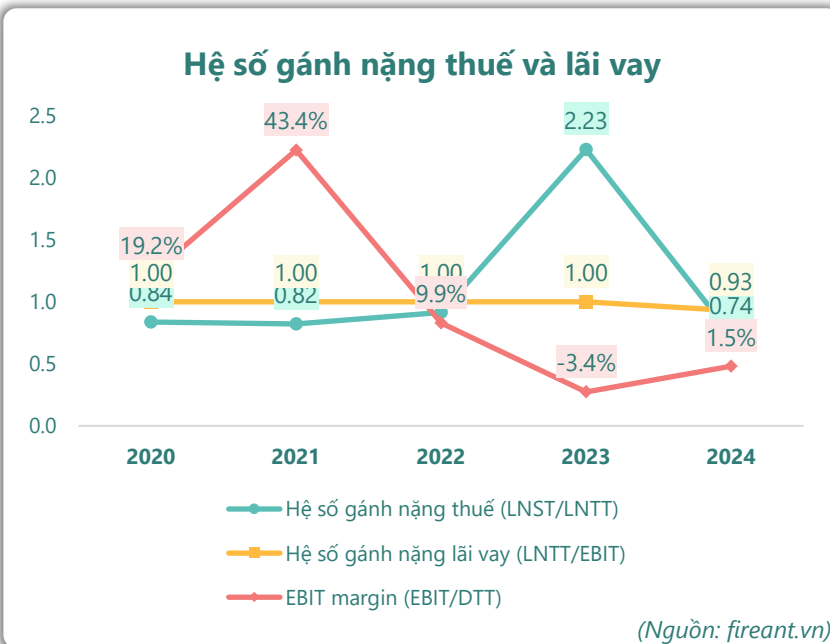
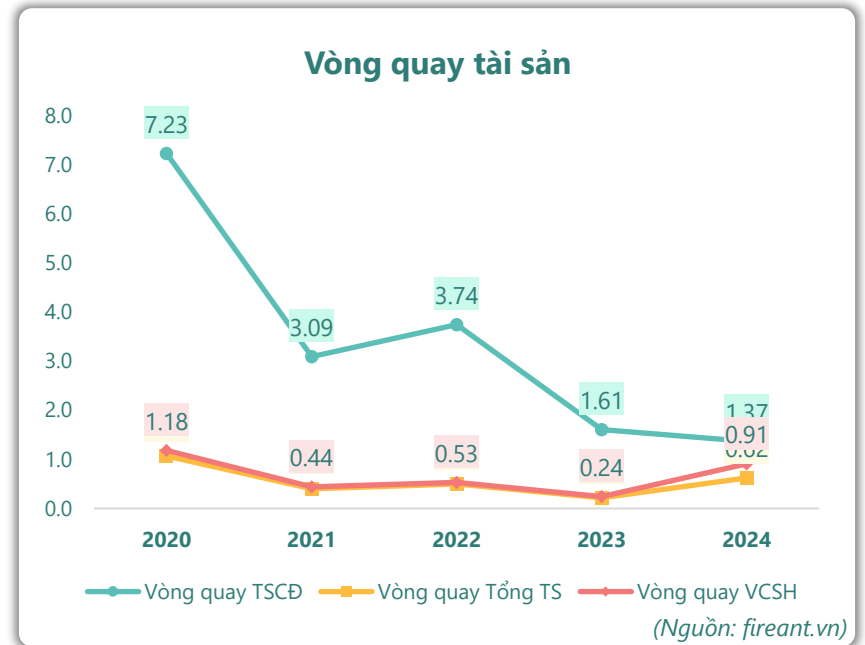
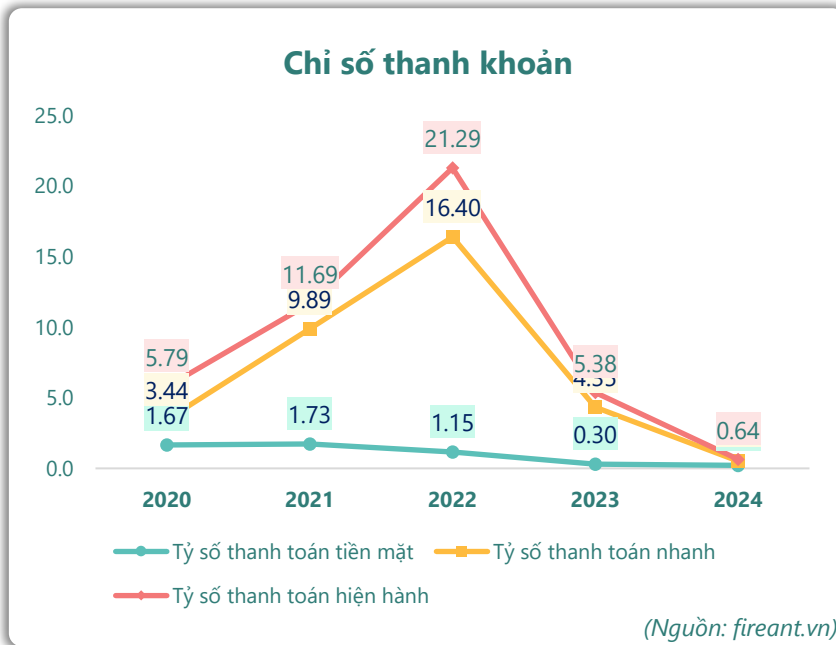
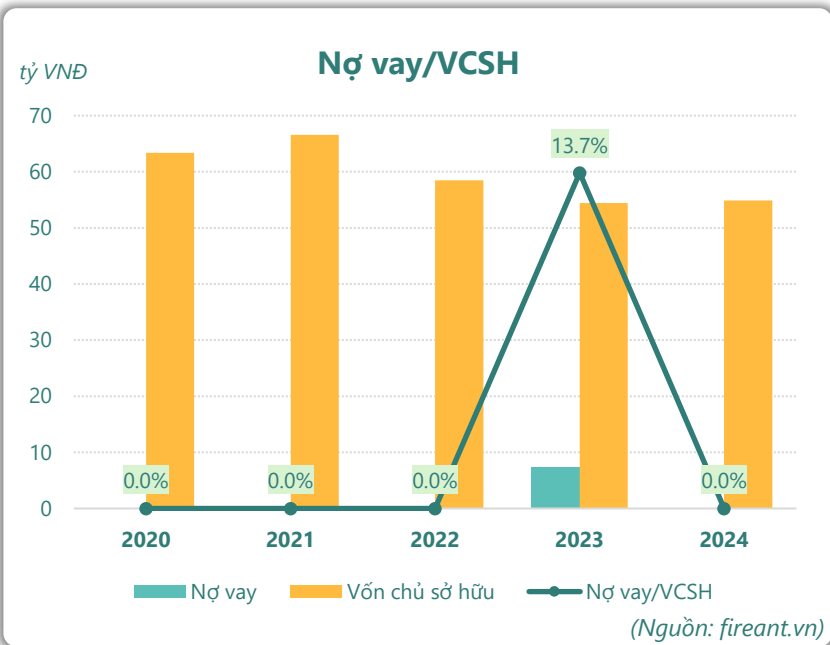
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	23.9	12.5	90.8%	68.5	27.6	148%
Giá vốn hàng bán	20.8	10.2	104%	60.9	23.0	164%
Lợi nhuận gộp	3.01	2.34	28.4%	7.57	4.60	64.8%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.06	-34.5%	0.16	0.76	-78.7%
Chi phí TC	0.27	0.03	793%	0.55	0.63	-12.8%
Chi phí lãi vay	0.27	0.00		0.55	0.05	917%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.29	0.29	1.2%	0.88	0.92	-4.8%
Chi phí QLDN	0.99	0.98	1.1%	3.04	3.29	-7.6%
LN thuần từ HĐKD	1.49	1.09	36.9%	3.27	0.51	540%
Lợi nhuận khác	-0.32	0.00		-1.00	0.61	-264%
LN trước thuế	1.17	1.09	7.2%	2.26	1.12	101%
Lợi nhuận sau thuế	0.93	0.86	8.6%	1.81	0.70	158%
LNST của CĐ cty mẹ	0.94	0.86	9.0%	1.82	0.71	157%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.25	-4.50	12.4	4.76	-0.98	0.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.65	-8.36	-6.81	-25.1	0.56	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.35	0	0	18.0	-0.64	-0.64
Tiền đầu kỳ	2.06	15.6	2.74	8.31	5.94	4.87
Lưu chuyển tiền thuần	13.6	-12.9	5.57	-2.37	-1.06	-0.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.6	2.74	8.31	5.94	4.87	4.77

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	86.5	94.1	-8.1%
Tài sản ngắn hạn	21.0	25.0	-16.0%
Tiền và tương đương tiền	4.77	8.31	-42.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	13.9%
Phải thu ngắn hạn	7.27	6.57	10.5%
Hàng tồn kho	4.74	4.97	-4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.19	5.10	-17.9%
Tài sản dài hạn	65.6	69.2	-5.2%
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	60.4	64.6	-6.5%
Bất động sản đầu tư	1.15	1.18	-2.7%
Tài sản dở dang	0.61	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.90	2.87	1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.4	39.2	-25.1%
Nợ ngắn hạn	12.7	38.7	-67.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.84	37.3	-73.6%
Nợ dài hạn	16.7	0.51	3194%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.7	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	57.1	54.9	4.1%
Vốn chủ sở hữu	57.1	54.9	4.1%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

